

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính
từ 01/01/2023 đến 30/06/2023



MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2 - 3
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 05 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 666.305.640.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	<i>Bổ nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó Chủ tịch	
- Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Bà Trần Hằng Thu	Thành viên	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Bà Trần Thị Hồng Bích	Thành viên	
- Ông Đỗ Quốc Tuyển	Thành viên	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Trần Xuân Ánh	Thành viên	<i>Bổ nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Trần Quang Trường	Thành viên	<i>Bổ nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Hồ Việt Hà	Thành viên	
- Ông Trần Đức Huy	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Hồ Việt Hà	Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Phan Dương Cửu Long	Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 16/6/2023</i>
- Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 16/6/2023</i>
- Bà Trần Hằng Thu	Phó Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 16/6/2023</i>
- Ông Võ Minh Lực	Phó Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 16/6/2023</i>
- Ông Đỗ Quốc Tuyển	Phó Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 01/03/2023</i>
- Ông Trần Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	<i>Từ ngày 01/03/2023 đến ngày 16/6/2023</i>

BAN KIỂM SOÁT

- Ông Hà Tôn Trung Hạnh	Trưởng ban	
- Ông Ngô Hòa	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	<i>Miễn nhiệm ngày 28/4/2023</i>
- Ông Bùi Thành Việt	Thành viên	<i>Bổ nhiệm ngày 28/4/2023</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Dương Cửu Long - Tổng Giám đốc (đến ngày 27/04/2023) và ông Hồ Việt Hà - Tổng Giám đốc (từ ngày 28/04/2023).

Bà Phan Thị Thu Thảo - Giám đốc vận hành được ông Hồ Việt Hà ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 theo Giấy Ủy quyền số 65/2023/GUQ-SVC ngày 16/06/2023.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại: Số 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đính kèm được trình bày từ trang 07 đến trang 45. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính số III.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Giám đốc vận hành
Phan Thị Thu Thảo

Số: BC/BDO/2023. 516

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét ngày 29 tháng 8 năm 2022 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Nguyễn Hương Giang - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 5118-2021-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.667.300.040	172.125.735.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.990.081.734	22.641.347.054
1. Tiền	111		1.959.752.338	8.134.776.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.030.329.396	14.506.571.012
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.228.141.378	23.031.626.452
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	27.450.000.000	27.450.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(15.221.858.622)	(15.418.373.548)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	21.000.000.000	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.493.811.707	52.134.339.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.458.281.797	16.083.281.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		913.837.312	1.579.363.920
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2.3	22.859.864.531	8.028.567.317
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	47.595.062.775	29.995.079.480
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.333.234.708)	(3.551.952.465)
IV Hàng tồn kho	140	V.6	73.146.192.111	73.186.350.806
1. Hàng tồn kho	141		73.146.192.111	73.186.350.806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		809.073.110	1.132.071.945
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	306.667.316	629.666.151
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	502.405.794	502.405.794

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.306.189.572.207	1.305.064.098.998
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.565.980.686	159.537.980.686
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	161.401.012.512	161.373.012.512
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5.2	(1.835.031.826)	(1.835.031.826)
II. Tài sản cố định	220		22.044.104.573	21.856.992.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	22.025.205.862	21.713.177.422
<i>Nguyên giá</i>	222		36.055.223.450	33.731.142.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.030.017.588)	(12.017.965.328)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	18.898.711	143.815.383
<i>Nguyên giá</i>	228		1.099.500.000	1.099.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.080.601.289)	(955.684.617)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	107.134.165.414	108.515.823.574
<i>Nguyên giá</i>	231		163.993.868.075	163.993.868.075
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(56.859.702.661)	(55.478.044.501)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		267.867.493.822	267.812.534.542
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	267.867.493.822	267.812.534.542
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		743.734.077.676	742.718.918.959
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.4	636.336.555.728	626.526.555.728
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.5	129.231.178.945	129.231.178.945
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.6	20.300.000.000	20.300.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.4	(42.133.656.997)	(33.338.815.714)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.843.750.036	4.621.848.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	4.180.451.564	2.958.549.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.663.298.472	1.663.298.472
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.513.856.872.247	1.477.189.834.752

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		473.582.536.305	449.651.379.254
I. Nợ ngắn hạn	310		76.363.379.764	400.395.700.480
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		134.723.115	1.705.817.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	7.407.882.492	7.635.487.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.707.597.573	1.810.255.758
4. Phải trả người lao động	314		4.343.919.863	11.760.721.376
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5.054.743.433	8.316.492.359
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		965.000.000	1.400.600.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.1	13.765.218.676	357.711.042.115
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.1	34.375.217.450	875.850.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.609.077.162	9.179.433.495
II. Nợ dài hạn	330		397.219.156.541	49.255.678.774
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.2	395.682.106.541	46.939.828.774
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.2	1.537.050.000	2.315.850.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.040.274.335.942	1.027.538.455.498
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.040.274.335.942	1.027.538.455.498
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		666.305.640.000	333.205.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		666.305.640.000	333.205.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.597.348.871	234.597.348.871
3. Cổ phiếu quỹ	415		(361.306.726)	(361.306.726)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.938.303.806	24.938.303.806
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		344.794.349.991	435.158.789.547
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		298.382.333.969	269.853.610.636
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.412.016.022	165.305.178.911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.513.856.872.247	1.477.189.834.752

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Giám đốc vận hành

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Thái Sơn



Phan Thị Thu Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

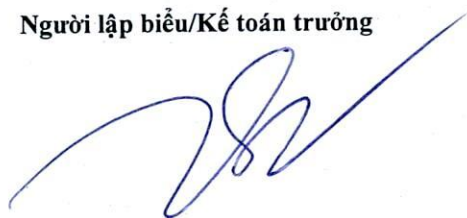
B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.533.658.489	38.027.235.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.533.658.489	38.027.235.319
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15.925.473.152	16.880.157.822
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.608.185.337	21.147.077.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.388.538.347	75.630.134.632
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.091.546.382	323.030.383
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		493.220.025	146.276.221
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	737.024.944	652.159.296
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.932.028.680	24.052.630.532
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.236.123.678	71.749.391.918
11. Thu nhập khác	31		175.942.347	1.883.260.962
12. Chi phí khác	32		50.003	7.760
13. Lợi nhuận khác	40		175.892.344	1.883.253.202
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.412.016.022	73.632.645.120
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.412.016.022	73.632.645.120

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Thái Sơn

Giám đốc vận hành



Phan Thị Thu Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B03a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

				Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.412.016.022	73.632.645.120	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.518.627.092	3.390.302.454	
- Các khoản dự phòng	03		10.379.608.600	1.287.517.349	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.388.538.347)	(75.939.574.154)	
- Chi phí lãi vay	06		493.220.025	146.276.221	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.414.933.392	2.517.166.990	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.237.457.239)	(4.126.559.183)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.158.695	(4.661.965.502)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.590.893.244)	(5.859.640.881)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(898.902.769)	(2.180.394.222)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(618.727.260)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(493.220.025)	(146.276.221)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	119.170.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(570.356.333)	(1.678.624.208)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.335.737.523)	(16.635.850.487)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.379.039.980)	(4.394.105.044)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	380.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.831.297.214)	(49.618.600.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	5.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.810.000.000)	(22.352.740.523)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.288.538.347	75.867.565.936	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.268.201.153	4.882.120.369	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B03a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	711.248.200
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		33.196.167.450	1.656.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(475.600.000)	(447.600.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.304.296.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(583.728.950)	1.919.648.200
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.651.265.320)	(9.834.081.918)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	22.641.347.054	36.196.388.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	15.990.081.734	26.362.306.584

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn

Giám đốc vận hành



Phan Thị Thu Thảo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 05 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 666.305.640.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty thường không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong kỳ không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 23 công ty con trực tiếp và 04 công ty liên kết trực tiếp (tại ngày 31/12/2022: 22 công ty con trực tiếp và 04 công ty liên kết trực tiếp).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu 30/06/2023	Tỷ lệ quyền biểu quyết 30/06/2023
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	52,05%	52,05%
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	57,35%	57,35%
3	Công ty Cổ phần OtoS	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	80,86%	80,86%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô.	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	70,00%	70,00%
6	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	64,00%	64,00%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ bảo trì.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	70,00%	70,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
				30/06/2023	30/06/2023
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	98,28%	98,28%
9	Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Áp 1, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.	55,00%	55,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	90,00%	90,00%
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Kinh doanh xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 - 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	88,12%	88,12%
12	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	64,00%	64,00%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	84,17%	84,17%
14	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	51,00%	51,00%
15	Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
				30/06/2023	30/06/2023
16	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.	Số 07 Khu phố 6, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	60,00%	60,00%
17	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	38,51%	50,60%
18	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	200 Quốc lộ 20, Tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	52,00%	52,00%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Savico Miền Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế xây dựng.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	98,00%	98,00%
20	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Số 110B đường Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	74,40%	85,00%
21	Công ty Cổ phần Ô tô Áu Việt	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	2 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	31,64%	51,00%
22	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	70,00%	70,00%
23	Công ty Cổ phần Ô tô New Energy	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
				30/06/2023	30/06/2023
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	30,30%	30,30%
2	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	35,00%	35,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	40,00%	40,00%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Áu	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	39,81%	47,00%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 75 người (tại ngày 31/12/2022 là 70 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (“Báo cáo tài chính hợp nhất”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản, xe ô tô, xe gắn máy và bình quân gia quyền đối với các khoản mục hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của dự án bất động sản bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 42 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính là 3 năm.

7. Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư cho thuê**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ

Quyền sử dụng đất

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm

18 – 50 năm

5 – 45 năm

8. Nguyên tắc kế toán xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh cho quyền sử dụng đất thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển dự án đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển dự án, hoặc phần của chi phí phát triển dự án được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng,.... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: Phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí lãi vay phải trả, chi phí tham quan và đào tạo, phí dịch vụ chuyên môn, tiền thuê đất,...

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu mua lại và giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

16. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính: được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu khoản đầu tư được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán niêm yết). Thu nhập này được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí khuyến mại, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	181.363.082	1.427.516.478
Tiền gửi ngân hàng	1.778.389.256	6.707.259.564
Cộng	1.959.752.338	8.134.776.042
Các khoản tương đương tiền (*)	14.030.329.396	14.506.571.012
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	15.990.081.734	22.641.347.054

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi qua đêm tại tổ chức tài chính với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ				
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh niêm yết								
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(7.677.000.000)	5.670.000.000	1.350.000	13.500.000.000	(8.361.000.000)	4.590.000.000
Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	1.395.000	13.950.000.000	(7.544.858.622)	(*)	1.395.000	13.950.000.000	(7.057.373.748)	(*)
Cộng		27.450.000.000	(15.221.858.622)			27.450.000.000	(15.418.373.748)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

<i>Ngắn hạn</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 1 năm (*)	21.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	<u>21.000.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với mức lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm (tại ngày 31/12/2022 lãi suất 6,4%/năm).

2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan</i> (xem Thuyết minh số VII.2)	22.859.864.531	8.028.567.317
Cộng	<u>22.859.864.531</u>	<u>8.028.567.317</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

2.4 Đầu tư vào công ty con

Tên đơn vị	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	96.320.000.000	(6.819.166.274)	89.500.833.726	96.320.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	66.408.413.918	-	66.408.413.918	66.408.413.918
Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	56.554.698.360	-	56.554.698.360	56.554.698.360
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	56.000.000.000	-	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	44.763.000.000	-	44.763.000.000	44.763.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	42.939.600.000	-	42.939.600.000	42.939.600.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	39.960.000.000	(9.598.376.948)	30.361.623.052	39.960.000.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	39.942.000.000	-	39.942.000.000	39.942.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	25.500.000.000	-	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	15.836.363.636	(10.280.076.497)	5.556.287.139	15.836.363.636
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	13.138.155.000	-	13.138.155.000	13.138.155.000
Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	13.000.000.000	-	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	15.300.000.000	(1.416.651.687)	13.883.348.313	12.240.000.000
Công ty cổ phần OTOS	11.563.640.000	(11.181.349.524)	382.290.476	11.563.640.000
Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	11.000.000.000	(1.233.946.812)	9.766.053.188	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	10.100.000.000	(1.587.464.432)	8.512.535.568	10.100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	7.102.684.814	-	7.102.684.814	7.102.684.814
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Savico Miền Nam	12.630.000.000	(16.624.823)	12.613.375.177	5.880.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Cần Thơ	4.875.000.000	-	4.875.000.000	4.875.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	20.010.000.000	-	20.010.000.000	20.010.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	15.393.000.000	-	15.393.000.000	15.393.000.000
Cộng	636.336.555.728	(42.133.656.997)	594.202.898.731	626.526.555.728
				(33.338.815.714)
				593.187.740.014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

2.5 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	64.000.000.000	-	64.000.000.000	64.000.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	29.106.059.000	-	29.106.059.000	29.106.059.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	19.200.000.000	-	19.200.000.000	19.200.000.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	16.925.119.945	-	16.925.119.945	16.925.119.945
Cộng	129.231.178.945	-	129.231.178.945	129.231.178.945

Các giao dịch, số dư chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số VII.2.

2.6 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	14.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Cộng	20.300.000.000	-	20.300.000.000	20.300.000.000

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đang được trình bày theo giá trị ghi sổ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khách hàng 1	6.250.000.000	6.250.000.000
Khách hàng 2	3.211.205.088	3.211.205.088
Khách hàng 3	2.257.000.000	2.257.000.000
Các khách hàng khác	6.740.076.709	4.365.076.157
Cộng	18.458.281.797	16.083.281.245
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	214.168.008	182.125.400

Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2

4. Các khoản phải thu khác**4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ tức phải thu	27.600.000.000	20.500.000.000
Tạm ứng	5.957.670.000	5.240.027.182
Phải thu ngắn hạn khác	14.037.392.775	4.255.052.298
Cộng	47.595.062.775	29.995.079.480
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khác là các bên liên quan	27.600.000.000	20.500.000.000

Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2

4.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh các dự án bất động sản (*)	125.661.551.761	129.979.173.008
Ký quỹ	29.673.839.504	29.673.839.504
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	6.065.621.247	1.720.000.000
Cộng	161.401.012.512	161.373.012.512
Trong đó:		
Phải thu dài hạn của khác là các bên liên quan	2.775.639.504	2.641.907.840

Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2

(*) Phản ánh các khoản vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản. Thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

5. Dự phòng phải thu khó đòi**5.1 Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khách hàng 2	3.211.205.088	963.361.526	3.211.205.088	1.503.590.544
Khách hàng 3	2.257.000.000	677.100.000	2.257.000.000	1.037.900.000
Các khách hàng khác	2.510.791.954	1.005.300.808	1.280.475.841	655.237.920
Cộng	7.978.997.042	2.645.762.334	6.748.680.929	3.196.728.464

5.2 Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Cao ốc văn phòng và Titco Plaza	1.835.031.826	-	1.835.031.826	-
Cộng	1.835.031.826	-	1.835.031.826	-

Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu	25.882.173	-	72.579.714	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	73.073.403.212	-	73.069.933.892	-
Hàng hóa	46.906.726	-	43.837.200	-
Cộng	73.146.192.111	-	73.186.350.806	-

Trong đó giá trị hàng tồn kho đã dùng thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn tại ngày 30/06/2023 là: 1.815.629.446 VND.

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự án Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	69.248.061.030	69.248.061.030
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	3.825.342.182	3.821.872.862
Cộng	73.073.403.212	73.069.933.892

7. Chi phí trả trước

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí sửa chữa tài sản	302.047.316	625.832.818
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.620.000	3.833.333
Các khoản khác	-	-
Cộng	306.667.316	629.666.151

7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí sửa chữa tài sản	3.907.926.076	2.932.023.065
Chi phí công cụ dụng cụ	251.389.225	14.796.438
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.136.263	11.730.457
Cộng	4.180.451.564	2.958.549.960

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	18.528.264.530	12.503.138.835	2.699.739.385	33.731.142.750
Mua trong kỳ	-	2.232.285.700	91.795.000	2.324.080.700
Tại ngày 30/06/2023	18.528.264.530	14.735.424.535	2.791.534.385	36.055.223.450
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	5.343.459.578	4.793.521.653	1.880.984.097	12.017.965.328
Khấu hao trong kỳ	830.997.354	1.019.627.322	161.427.584	2.012.052.260
Tại ngày 30/06/2023	6.174.456.932	5.813.148.975	2.042.411.681	14.030.017.588
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	13.184.804.952	7.709.617.182	818.755.288	21.713.177.422
Tại ngày 30/06/2023	12.353.807.598	8.922.275.560	749.122.704	22.025.205.862

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là: 4.706.025.066 VND (tại ngày 31/12/2022: 4.669.925.066 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 30/6/2023 là: 4.699.008.227 VND (tại ngày 31/12/2022: 5.242.854.563 VND)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2023	1.099.500.000
Tại ngày 30/06/2023	1.099.500.000
Giá trị hao mòn	
Tại ngày 01/01/2023	955.684.617
Khấu hao trong kỳ	124.916.672
Tại ngày 30/06/2023	1.080.601.289
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2023	143.815.383
Tại ngày 30/06/2023	18.898.711

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30/6/2023 là: 350.000.000 VND (tại ngày 31/12/2022: 350.000.000 VND).

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	5.107.878.273	158.885.989.802	163.993.868.075
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	5.107.878.273	158.885.989.802	163.993.868.075

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

Giá trị hao mòn			
Tại ngày 01/01/2023	-	55.478.044.501	55.478.044.501
Khấu hao trong kỳ	-	1.381.658.160	1.381.658.160
Tại ngày 30/06/2023	-	56.859.702.661	56.859.702.661
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	5.107.878.273	103.407.945.301	108.515.823.574
Tại ngày 30/06/2023	5.107.878.273	102.026.287.141	107.134.165.414

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã được khấu hao hết những vẫn đang được sử dụng tại ngày 30/6/2023 là: 19.017.533.851 VND (tại ngày 31/12/2022: 19.017.533.851 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 chưa được trình bày trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dự án 104 Phở Quang	267.398.040.345	267.358.719.429
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	292.407.205	276.768.841
Các công trình khác	177.046.272	177.046.272
Cộng	267.867.493.822	267.812.534.542

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Khách hàng 6	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khách hàng khác	3.407.882.492	3.635.487.613
Cộng	7.407.882.492	7.635.487.613

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã bù trừ/ thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	502.405.794	-	-	502.405.794
Cộng	502.405.794			502.405.794
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	272.707.521	2.518.026.148	2.567.102.458	223.631.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.284.338.475	5.673.808.152	5.727.390.027	1.230.756.600
Thuế khác	253.209.762	2.697.016.800	2.697.016.800	253.209.762
Cộng	1.810.255.758	10.888.851.100	10.991.509.285	1.707.597.573

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí tham quan và đào tạo	3.462.559.983	5.450.346.519
Phí dịch vụ chuyên môn	413.250.000	1.832.000.000
Tiền thuê đất	1.141.305.405	481.635.840
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	37.628.045	552.510.000
Cộng	<u>5.054.743.433</u>	<u>8.316.492.359</u>

15. Phải trả khác

15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Khoản góp vốn nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	347.187.524.951
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng	-	100.000.000
Cổ tức phải trả	208.471.620	202.736.020
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.670.049.397	3.443.445.819
Khoản thù lao cán bộ quản lý các đơn vị thành viên	6.929.706.770	3.032.618.968
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.956.990.889	3.744.716.357
Cộng	<u>13.765.218.676</u>	<u>357.711.042.115</u>

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	<u>1.500.000</u>	<u>5.749.000.000</u>
--	-------------------------	-----------------------------

15.2 Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Khoản góp vốn nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	347.151.845.867	-
Nhận đặt cọc dài hạn từ các hợp đồng cho thuê	23.690.746.840	22.100.314.940
Khoản hoàn vốn góp nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	24.239.513.834	24.239.513.834
Khoản vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	600.000.000	600.000.000
Cộng	<u>395.682.106.541</u>	<u>46.939.828.774</u>

Trong đó:

Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	<u>7.503.104.600</u>	<u>330.367.600</u>
---	-----------------------------	---------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả	875.850.000	875.850.000	33.974.967.450	475.600.000	34.375.217.450	34.375.217.450
Ngân hàng 1 (*)	875.850.000	875.850.000	778.800.000	475.600.000	1.179.050.000	1.179.050.000
Ngân hàng 2 (**)	-	-	33.196.167.450	-	33.196.167.450	33.196.167.450
Cộng	875.850.000	875.850.000	33.974.967.450	475.600.000	34.375.217.450	34.375.217.450

16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Ngân hàng 1 (*)	2.315.850.000	2.315.850.000	-	778.800.000	1.537.050.000	1.537.050.000
Cộng	2.315.850.000	2.315.850.000	-	778.800.000	1.537.050.000	1.537.050.000

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng 1 theo các hợp đồng cho vay từng lần. Các khoản vay có kỳ hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất từ 7,8%/năm đến 12,5%/năm. Góc vay và lãi vay được thanh toán định kỳ hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.8).

(**) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng 2 theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0031/2328/N-HD/01 ngày 27/03/2023, thời gian duy trì hạn mức đến ngày 12/01/2024. Lãi suất 8%/năm, kỳ hạn 6 tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Trong vòng một năm
 Trong năm thứ hai
 Từ năm thứ ba đến năm thứ năm

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	1.179.050.000	875.850.000
	1.171.200.144	847.800.000
	365.849.856	1.468.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

17. Vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
17.1 Thay đổi vốn chủ sở hữu						
Nội dung						
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022						
Số dư tại ngày 01/01/2022	333.205.320.000	234.112.037.810	(587.243.865)	24.938.303.806	303.503.603.810	895.172.021.561
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	168.305.178.911	168.305.178.911
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	485.311.061	225.937.139	-	-	711.248.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.310.032.000)	(33.310.032.000)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.339.961.174)	(3.339.961.174)
Số dư tại ngày 31/12/2022	333.205.320.000	234.597.348.871	(361.306.726)	24.938.303.806	435.158.789.547	1.027.538.455.498
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023						
Số dư tại ngày 01/01/2023	333.205.320.000	234.597.348.871	(361.306.726)	24.938.303.806	435.158.789.547	1.027.538.455.498
Tăng vốn (*)	333.100.320.000	(230.000.000.000)	-	-	(103.100.320.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	46.412.016.022	46.412.016.022
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.310.032.000)	(33.310.032.000)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(366.103.578)	(366.103.578)
Số dư tại ngày 30/06/2023	666.305.640.000	4.597.348.871	(361.306.726)	24.938.303.806	344.794.349.991	1.040.274.335.942

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-SVC ngày 03 tháng 01 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua kết quả phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Số lượng cổ phiếu phát hành bổ sung là 33.310.032 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 666.305.640.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 05 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 666.305.640.000 VND.

Ngày 08/02/2023, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 43/QĐ-SGDHCM về việc thay đổi niêm yết. Theo đó, chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung 33.310.032 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực: 10/02/2023.

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	666.200.640.000	99,98%	333.100.320.000	99,97%
Cộng	666.200.640.000	99,98%	333.100.320.000	99,97%
Cổ phiếu quỹ	105.000.000	0,02%	105.000.000	0,03%
Tổng cộng	666.305.640.000	100,00%	333.205.320.000	100,00%

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	333.205.320.000	333.205.320.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	333.100.320.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	666.305.640.000	333.205.320.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.310.032.000	33.310.032.000

17.4 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.630.564	33.320.532
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	66.630.564	33.320.532
- Cổ phiếu phổ thông	66.630.564	33.320.532
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.500	10.500
- Cổ phiếu phổ thông	10.500	10.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.620.064	33.310.032
- Cổ phiếu phổ thông	66.620.064	33.310.032
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

18. Tài sản thuê ngoài

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	21.715.363.451	17.029.835.850
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	89.613.668.092	73.994.710.265
Trên 5 năm	111.421.131.167	99.907.261.372
Cộng	222.750.162.710	190.931.807.487

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cho thuê	38.704.348.155	21.308.503.290
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.399.729.882	11.216.470.304
Doanh thu bán hàng	2.429.580.452	5.502.261.725
Cộng	43.533.658.489	38.027.235.319

1.2 Doanh thu với các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.2

2.149.412.632	1.999.824.302
----------------------	----------------------

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn cho thuê	14.459.579.831	7.872.249.112
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	538.692.200	4.143.831.558
Giá vốn hàng bán	927.201.121	4.864.077.152
Cộng	15.925.473.152	16.880.157.822

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.298.855.631	75.157.944.136
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.089.682.716	401.630.018
Doanh thu tài chính khác	-	70.560.478
Cộng	59.388.538.347	75.630.134.632

Doanh thu với các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.2

56.870.855.631	75.157.944.136
-----------------------	-----------------------

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	493.220.025	146.276.221
Chi phí tài chính khác	-	98.973.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	8.598.326.357	77.781.162
Cộng	9.091.546.382	323.030.383

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	189.815.600	269.642.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	547.209.344	-
Chi phí bằng tiền khác	-	382.517.296
Cộng	737.024.944	652.159.296

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	17.921.118.315	12.428.655.287
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.297.342.576	1.028.697.928
Chi phí dự phòng	1.781.282.243	1.209.736.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.218.174.087	5.438.687.791
Chi phí khác	3.714.111.459	3.946.853.339
Cộng	<u>30.932.028.680</u>	<u>24.052.630.532</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	467.473.868	4.892.255.921
Chi phí nhân công	18.877.990.290	13.640.409.497
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.518.627.092	3.390.302.454
Chi phí dự phòng	1.781.282.243	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.906.059.482	12.356.457.939
Chi phí khác bằng tiền	4.125.311.891	7.305.521.839
Cộng	<u>46.676.744.866</u>	<u>41.584.947.650</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kê cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Thù lao, tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Trong kỳ, Công ty đã chi trả thù lao, tiền lương cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

Họ tên	Chức danh	Thù lao, tiền lương
Hồ Việt Hà	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)	104.800.000
Trần Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/03/2023 đến ngày 16/6/2023), Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 16/6/2023)	390.000.000
Mai Việt Hà	Chủ tịch - Miễn nhiệm ngày 28/4/2023	2.625.000.000
Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 16/6/2023	1.221.116.333
Nguyễn Công Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023), Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)	1.050.000.000
Phan Dương Cửu Long	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023), Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)	2.375.000.000
Trần Hằng Thu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023), Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)	1.567.500.000
Võ Minh Lực	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 16/6/2023	1.261.000.000
Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 16/6/2023	912.800.000
Hà Tôn Trung Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	441.970.333
Các cá nhân đại diện phần vốn của Tổng Công ty Bến Thành - Công ty TNHH	Thành viên HĐQT	139.500.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Cần Thơ	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Savico Miền Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô New Energy	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH FX Auto	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Toyota Long Biên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Savico Kỳ Nguyên Mới	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Savico Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Đầu tư Ô tô Kiên Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Chinh	Công ty con gián tiếp

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Toyota Hải Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Kon Tum	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Toyota Chí Linh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Công ty liên kết gián tiếp
Tổng Công ty Bến Thành - Công ty TNHH MTV	Cổ đông chính
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	Cùng thành viên HĐQT - Trần Quang Trường
Công ty Cổ phần SVC Holdings	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Tasco	Cùng chủ tịch HĐQT - Vũ Đình Độ
Công ty cổ phần DNP Holding	Cùng chủ tịch HĐQT - Vũ Đình Độ

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

<i>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</i>	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	694.418.229	1.112.710.980
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	-	887.113.322
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	710.228.230	-
Các bên liên quan khác	744.766.173	-
Cộng	2.149.412.632	1.999.824.302

<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i>	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	-	4.174.591.763
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	3.426.303.209	3.233.809.186
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	54.974.973	136.576.184
Các bên liên quan khác	77.590.124	-
Cộng	3.558.868.306	7.544.977.133

<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	-	2.656.532.296
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	2.160.000.000	-
Cộng	2.160.000.000	2.656.532.296

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	8.400.000.000	22.400.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	-	15.330.397.736
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	7.147.140.000	7.657.650.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	16.786.125.000	6.714.450.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	2.693.133.500	6.463.520.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	-	6.400.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	7.650.000.000	6.120.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	1.273.335.530	2.362.500.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	1.204.386.400	1.709.426.000
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	2.295.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	9.421.735.201	-
Cộng	<u>56.870.855.631</u>	<u>75.157.944.136</u>
Cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	200.000.000	3.618.600.000
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	4.631.297.214	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	5.000.000.000	-
Cộng	<u>24.831.297.214</u>	<u>13.618.600.000</u>
Thu hồi khoản cho vay		
Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	5.000.000.000	-
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Mua cổ phiếu quỹ		
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	-	111.260.000
Cộng	<u>-</u>	<u>111.260.000</u>
Góp vốn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	3.060.000.000	4.590.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	-	1.315.116.887
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Savico Miền Nam	6.750.000.000	-
Cộng	<u>9.810.000.000</u>	<u>15.905.116.887</u>
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	13.590.430.000	-
Công ty Cổ phần SVC Holdings	18.017.241.000	-
Cộng	<u>31.607.671.000</u>	<u>-</u>
Doanh thu tài chính (Lãi sử dụng vốn)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	54.580.822	-
Cộng	<u>54.580.822</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

B09a-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	3.014.000	2.833.692
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	3.593.700	2.833.692
Công ty TNHH FX Auto	60.486.948	54.486.948
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	100.000	2.833.692
Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	89.511.584	63.111.584
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	2.833.692	2.833.692
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	5.715.600	2.833.692
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	1.199.000	2.833.692
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	8.888.000	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	3.600.000	2.833.692
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	13.712.600	8.501.076
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	8.899.092	36.189.948
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	12.613.792	-
Cộng	214.168.008	182.125.400
Phải thu cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	5.728.567.317	5.528.567.317
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	4.631.297.214	-
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	22.859.864.531	8.028.567.317
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	19.200.000.000	19.200.000.000
Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	-	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	8.400.000.000	-
Cộng	27.600.000.000	20.500.000.000
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	2.775.639.504	2.641.907.840
Cộng	2.775.639.504	2.641.907.840
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	-	278.345.455
Cộng	-	278.345.455
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	-	5.749.000.000
Các bên liên quan khác	1.500.000	-
Cộng	1.500.000	5.749.000.000
Phải trả dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	5.982.200.000	233.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Cần Thơ	1.423.737.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	97.167.600	97.167.600
Cộng	7.503.104.600	330.367.600

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét ngày 29 tháng 8 năm 2022 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Thái Sơn

Giám đốc vận hành



M.S.D.N: 0301154821-C.T.C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP
SÀI GÒN
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Thu Thảo